

Số: 61 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 12 năm 2014

CÔNG VĂN BẢN

Số: 04
Ngày 12 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007;

Căn cứ Thông tư số 28/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 42/2014/TT-BTC ngày 08 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu;

Xét Tờ trình số 03/TTr-HĐQL ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu (sau đây gọi tắt là Quỹ).

(Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đính kèm)

Điều 2. Giao Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định của Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Bạc Liêu; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Thành viên Hội đồng quản

lý, Giám đốc và Trưởng ban Kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3; *MT*
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Chuyên viên KT;
- Lưu VT, (B.QĐ30) *15/10/10*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *đ*
HỒ CHỦ TỊCH



hcccd
Lê Minh Chiến

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu

(Ban hành kèm theo Quyết định số 61./QĐ-UBND

ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, quản lý và điều hành của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi là Nghị định số 138/2007/NĐ-CP) và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 37/2013/NĐ-CP) sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. "Quỹ" là viết tắt của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.
2. "Vốn hoạt động" là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ tại một thời điểm.
3. "Đầu tư trực tiếp vào các dự án" là việc Quỹ sử dụng vốn hoạt động của mình để đầu tư vào các dự án; trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư và xây dựng.
4. "Cho vay hợp vốn" là việc Quỹ và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư một dự án, trong đó Quỹ hoặc một tổ chức khác đứng ra làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.
5. "Vốn điều lệ" là mức vốn quy định tại Điều lệ này.
6. "Vốn điều lệ thực có" là số vốn điều lệ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thực cấp cho Quỹ và được phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ.
7. "Người có liên quan" là cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản lý, Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của Quỹ.

Điều 2. Tên gọi, trụ sở và vốn điều lệ của Quỹ

1. Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu là một tổ chức tài chính nhà nước của địa phương, được thành lập theo Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để cho vay, đầu tư vào dự án, doanh nghiệp phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh.
2. Vốn điều lệ của Quỹ: 100 tỷ đồng.

3. Tên gọi của Quỹ:

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bạc Liêu.

b) Tên viết tắt: BLDIF.

c) Tên giao dịch quốc tế: Bac Lieu Development Investment Fund.

4. Địa chỉ trụ sở chính: 51 - 53 Phan Ngọc Hiền, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

5. Điện thoại, fax, trang điện tử:

a) Điện thoại: 07813.820022

b) Fax: 07813.820112

c) Trang điện tử: www.bldif.com.vn

Điều 3. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và đại diện theo pháp luật

1. Quỹ là một tổ chức tài chính nhà nước của địa phương, thực hiện chức năng đầu tư phát triển và đầu tư tài chính theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Người đại diện theo pháp luật của Quỹ là Giám đốc Quỹ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ hoạt động theo mô hình ngân hàng chính sách, thực hiện nguyên tắc tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.

2. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ.

Điều 5. Tổ chức bộ máy

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ bao gồm:

a) Hội đồng quản lý bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên;

b) Ban kiểm soát: Trưởng ban kiểm soát và các thành viên;

c) Bộ máy điều hành bao gồm: Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó Giám đốc), Kế toán trưởng và các Phòng, Ban nghiệp vụ.

2. Việc thay đổi lại cơ cấu tổ chức quản lý và điều hành của Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ được quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

Điều 6. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị-xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng đề án thành lập Quỹ trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

2. Quyết định việc thành lập Quỹ sau khi đề án thành lập Quỹ đầu tư phát triển được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt phương án cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ; bố trí nguồn để cấp, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ theo phương án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Phê duyệt điều lệ hoạt động của Quỹ hoặc phê duyệt điều lệ sửa đổi, bổ sung trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

5. Phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Ban hành danh mục các lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ưu tiên phát triển của tỉnh theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

7. Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trong từng thời kỳ, cho vay có hỗ trợ lãi suất theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

8. Quyết định phê duyệt đầu tư trực tiếp đối với một dự án có mức đầu tư trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

9. Quyết định phê duyệt cho vay với một dự án có mức vốn cho vay trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ hoặc thời gian vay trên 15 năm.

10. Quyết định phê duyệt góp vốn đối với một doanh nghiệp có mức góp vốn trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ.

11. Quản lý, kiểm tra, giám sát toàn diện tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ.

12. Phê duyệt chiến lược hoạt động dài hạn, kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ.

13. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc tổ chức lại, giải thể Quỹ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

14. Xem xét chấp thuận việc cho vay hợp vốn đối với trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

15. Quyết định việc khoan nợ, xóa nợ gốc theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 138/2007/NĐ-CP.

16. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản lý và Ban kiểm soát Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 37/2013/NĐ-CP.

17. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản lý, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Quỹ.

